

Bản án số: 593/2022/HC-PT

Ngày: 09-8-2022

V/v khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Khoa

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mậu Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 289/2022/TLPT-HC ngày 13/6/2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2021/HC-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1316/2022/QĐPT-HC ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Trần Thanh H, sinh năm 1953; Địa chỉ: Tổ 11, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của ông Trần Thanh H:* Ông Phùng Nguyễn Long, sinh năm 1976; Địa chỉ: 271/1 Phan Đăng Lưu, tổ 8, khu phố Hương Sơn, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (theo văn bản ủy quyền ngày 30/7/2020, có mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thị xã P; Địa chỉ: Quốc lộ 51, phường Phú Mỹ, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn Thắm, Chức vụ: Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

1. Ông Võ Mạnh H - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã P (có mặt).

2. Ông Phạm Hoàng V - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã P (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ 11, khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của bà Thế:* Ông Phùng Nguyễn Long (có căn cước nêu trên, theo văn bản ủy quyền số ngày 30/7/2020, vắng mặt).

2. Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất T; Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 Tiến Hùng, phường Mỹ Xuân, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* UBND thị xã P là người bị kiện.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện cùng trình bày:*

Hộ gia đình ông Trần Thanh H trước đây có diện tích đất 5.067m<sup>2</sup> đất nông nghiệp nằm trong diện tích đất thuộc dự án khu công nghiệp Tiến Hùng Mỹ Xuân B1 mở rộng.

Ngày 27/11/2006 Chủ tịch UBND huyện Tân Thành ban hành Quyết định số 6356/QĐ-UBND, về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Thanh H để xây dựng công trình khu công nghiệp Tiến Hùng Mỹ Xuân B1 mở rộng đợt 1.

Không đồng ý với quyết định này, ông Trần Thanh H đã khiếu nại đến UBND huyện Tân Thành. Ngày 24/12/2010, UBND huyện Tân Thành ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 10471/QĐ-UBND bác khiếu nại của ông Trần Thanh H. Ông Trần Thanh H không đồng ý nên đã khởi kiện vụ án hành chính.

Tại bản án số 230/2018/HCPT ngày 28/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H. Hủy một phần Quyết định 6365/QĐ-UBND ngày 27/11/2006 của Chủ tịch UBND huyện Tân Thành và hủy một phần Quyết định 10471/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Chủ tịch UBND huyện Tân Thành về bồi thường 5.067m<sup>2</sup> đất theo bảng giá năm 2006 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 31/3/2020, UBND thị xã P ban hành Quyết định số 606/QĐ-UBND, về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh thực hiện bản án số 230/2018/HCPT ngày 28/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh của ông Trần Thanh H thuộc dự án Khu công nghiệp Tiến Hùng Mỹ Xuân B1 mở rộng. Nội dung cụ thể về số tiền bồi thường là:

Hỗ trợ về đất vị trí 1- Khu vực 3, diện tích 5.067m<sup>2</sup> đất nông nghiệp: 252.000đồng x 30% = 75.600đ/m<sup>2</sup> x 5.067 = 383.065.200đồng.

Việc áp giá đền bù của UBND huyện Tân Thành theo bảng giá đất năm 2010 như vậy là không đúng pháp luật. Việc áp giá bồi thường vào thời điểm

năm 2020 phải áp dụng Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quy định bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2020 đến 31/12/2024) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đồng thời phải khảo sát giá đất để bồi thường và hỗ trợ cho ông Trần Thanh H.

Ông Trần Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 6060/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của UBND thị xã P;

- Buộc UBND thị xã P phải căn cứ vào Quyết định, bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường và hỗ trợ, đồng thời phải khảo sát giá đất để tính giá đất bồi thường và hỗ trợ cho hộ ông Trần Thanh H.

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện UBND thị xã P có văn bản ý kiến trình bày:*

Tại khoản 2 Điều 42 Luật Đất đai 2003 quy định: “Người bị thu hồi loại đất nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định thu hồi”.

Tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 quy định: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

Tại Bản án số 230/2018/HC-PT ngày 28/6/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định việc xác định giá đất để tính hỗ trợ về đất cho hộ ông Trần Thanh H đối với diện tích 5.067,0m<sup>2</sup> căn cứ theo bảng giá đất năm 2010 (Quyết định số 81/2009/QĐ-UBND ngày 18/12/2009 của UBND tỉnh).

Ngày 31/3/2020 UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 606/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ điều chỉnh thực hiện theo Bản án số 230/2018/HC-PT ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Trần Thanh H thuộc dự án Khu công nghiệp Tiến Hùng Mỹ Xuân B1 mở rộng. UBND thị xã đã xác định giá đất để tính hỗ trợ về đất cho hộ ông Trần Thanh H đối với diện tích 5.067,0m<sup>2</sup> căn cứ theo Quyết định số 81/2009/QĐ-UBND ngày 18/12/2009 của UBND tỉnh là đúng theo Bản án số 230/2018/HC-PT ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Đất đai 2003, các chính sách bồi thường, hỗ trợ về đất phải được tính tại thời điểm có quyết định thu hồi đất. Đối với hộ ông Trần Thanh H, UBND thị xã đã tính toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ tại thời điểm thu hồi đất năm 2006. Tại Quyết định số 10471/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND huyện Tân Thành về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh H và theo Bản án số 230/2018/HC-PT ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì đã quyết định xem xét xác định giá đất theo bảng giá đất năm 2010 là có lợi cho người dân.

Tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, quy định về trường hợp thực hiện bồi thường chậm. Đối với quy định này là quy định về lỗi bồi thường chậm. Tại thời điểm thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, UBND thị xã đã thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ và chi trả kinh phí cho hộ ông Trần Thanh H theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Ông Trần Thanh H đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Do đó, UBND thị xã không thực hiện bồi thường chậm. Nay căn cứ Bản án số 230/2018/HC-PT ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, UBND thị xã phê duyệt bổ sung kinh phí hỗ trợ về đất cho hộ ông Trần Thanh H (kinh phí bồi thường về đất đã được tính toán đúng tại Quyết định số 6356/QĐ-UBND ngày 27/11/2006 của UBND huyện Tân Thành).

Yêu cầu của ông Trần Thanh H là không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2021/HC-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tuyên xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H.

Hủy quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã P.

Buộc Ủy ban nhân dân thị xã P thực hiện việc hỗ trợ bổ sung đối với diện tích đất thu hồi 5.067m<sup>2</sup> cho hộ ông Trần Thanh H theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng của các đương sự.

Ngày 27/5/2021, người bị kiện là UBND thị xã P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 31/5/2021, người khởi kiện là ông Trần Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Ông Trần Thanh H chưa nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm và sau đó, ngày 01/4/2022 ông Trần Thanh H rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Phùng Nguyễn Long là người đại diện hợp pháp của ông Trần Thanh H không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện. Ông Long xác định sau khi xét xử sơ thẩm, ông Trần Thanh H có kháng cáo nhưng đã rút đơn kháng cáo và chưa nộp tạm ứng án phí phúc thẩm; ông Long yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không

thể hiện ý kiến. Các ông Võ Mạnh Hùng, Phạm Hoàng Việt là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

Ông Võ Mạnh Hùng, Phạm Hoàng Việt: Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của UBND thị xã P chỉ giải quyết việc hỗ trợ cho ông Trần Thanh H, không giải quyết việc bồi thường và quyết định này căn cứ vào Bản án hành chính phúc thẩm số 230/2020/HC-PT ngày 28/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tại bản án này chỉ ra rằng phải áp dụng bảng giá năm 2010 (theo Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 18/12/2009) để bồi thường cho ông Trần Thanh H. Quyết định số 6356/QĐ-UBND ngày 27/11/2006 đã bồi thường đúng đối với diện tích đất 5.067m<sup>2</sup> và Bản án số 230/2020/HC-PT chỉ huỷ một phần Quyết định số 6356/QĐ-UBND đối với phần diện tích 11.610m<sup>2</sup>. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H.

Ông Long: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của UBND thị xã P, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên toà, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của UBND thị xã P làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm tuyên huỷ Quyết định số 606/QĐ-UBND là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, UBND thị xã P không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND thị xã P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo:

Đơn kháng cáo của UBND thị xã P làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Ông Trần Thanh H có nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, chưa nộp tạm ứng án phí phúc thẩm và sau đó rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Trường hợp này được xem là ông Trần Thanh H không kháng cáo bản án sơ thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 606/QĐ-UBND của UBND thị xã P được ban hành ngày 31/3/2020, có nội dung phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh thực

hiện Bản án số 230/2020/HC-PT ngày 28/6/2020 đối với ông Trần Thanh H. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai. Ngày 22/6/2020, ông Trần Thanh H khởi kiện yêu cầu hủy quyết định nêu trên và buộc UBND thị xã P phải giải quyết bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng khởi kiện và còn trong thời hạn khởi kiện được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 230/2018/HC-PT ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (đã có hiệu lực pháp luật) đã hủy một phần Quyết định số 6365/QĐ-UBND ngày 27/11/2006 và một phần Quyết định số 10471/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Chủ tịch UBND huyện Tân Thành. Bản án này xác định rằng việc bồi thường cho ông Trần Thanh H phải được áp dụng bảng giá đất năm 2010. Đồng thời, tại Thông báo giải quyết đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm số 416/2019/TB-TANDTC-VGĐKTIII ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao cũng xác định việc bồi thường cho ông Trần Thanh H phải được áp dụng theo bảng giá đất năm 2010.

[3.2] Bản án hành chính phúc thẩm số 230/2018/HC-PT ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy một phần Quyết định số 6365/QĐ-UBND ngày 27/11/2006 và một phần Quyết định số 10471/QĐ-UBND ngày 24/12/2010. Cho đến nay UBND huyện Tân Thành chưa giải quyết bồi thường cho ông Trần Thanh H nên được xác định là chậm bồi thường do lỗi của người bị kiện.

[3.3] Tại thời điểm xét xử lần trước (ngày 28/6/2018) thì bảng giá đất được áp dụng theo Quyết định số 81/2009/QĐ-UBND ngày 18/12/2009 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang có hiệu lực pháp luật. Nên Bản án số 230/2018/HC-PT và Thông báo số 416/2019/TB-TANDTC-VGĐKTIII xác định việc bồi thường theo bảng giá đất năm 2010 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Sau khi có Bản án số 230/2018/HC-PT, UBND thị xã P ban hành Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 phê duyệt kinh phí bồi thường cho ông Trần Thanh H. Tại thời điểm này Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh đang có hiệu lực. Giá đất theo quyết định này cao hơn giá đất tại thời điểm năm 2010.

Tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định:

*“2. Trường hợp thực hiện bồi thường chậm được quy định như sau:*

*a) Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá*

*đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi”;*

Tại khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai năm 2013, quy định:

*“6. Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của Luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật này”;*

Tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định:

*“4. Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì giải quyết theo quy định sau đây:*

*a) Đối với dự án thuộc trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai, chủ đầu tư đủ điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013”.*

Căn cứ vào các điều luật vừa viện dẫn, nhận thấy Quyết định số 606/QĐ-UBND căn cứ vào Bản án hành chính phúc thẩm số 230/2018/HC-PT phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Thanh H theo Bảng giá đất năm 2010 là không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông Trần Thanh H.

[4] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H, huỷ Quyết định số 606/QĐ0-UBND là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không xuất trình được chứng cứ nào mới. Do đó kháng cáo của UBND thị xã P là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên UBND thị xã P phải chịu án phí theo luật định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2021/HC-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H.

Hủy quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã P.

Buộc Ủy ban nhân dân thị xã P thực hiện việc hỗ trợ bổ sung đối với diện tích đất thu hồi 5.067m<sup>2</sup> cho hộ ông Trần Thanh H theo quy định pháp luật.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thị xã P phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 13 ngày 17/6/2021. Ủy ban nhân dân thị xã P đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Dương sự;
- Lưu (3), 18b (Án HQ).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Võ Văn Khoa**